

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 246/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Hiền.

2. Bà Trần Thị Ngọc Hân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, về việc tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 83/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Hán Văn M, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khu phố 6, phường H, Thành phố H.

- **Bị đơn:** Huỳnh Thị Cẩm T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

(Anh M và chị T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn anh Hán Văn M có đơn xin vắng mặt; theo đơn ly hôn và bản tự khai, anh M trình bày:**

Về hôn nhân: Năm 2010, anh M sống chung với chị T, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H, Thành phố H. Do bất đồng quan điểm sống, anh M ly thân chị T từ năm 2014 cho đến nay. Tình cảm không còn, anh M yêu cầu ly hôn chị T.

Về con chung: Anh M với chị T có 01 con chung tên là Hán Minh Q, sinh ngày 16/10/2012, đang sống chung với chị T. Anh M giao cháu Q cho chị T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng; anh M cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh M không yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn chị Huỳnh Thị Cẩm T có đơn xin vắng mặt; theo bản tự khai, chị Tú trình bày:**

Về hôn nhân: Chị T với anh M đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân Phường H, Thành phố H. Đến năm 2014, chị T với anh M bất đồng quan điểm sống và ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Chị T đồng ý ly hôn anh M.

Về con chung: Chị T với anh M có 01 con chung tên là Hán Minh Q, sinh ngày 16/10/2012, đang sống chung với chị T. Chị T đồng ý tiếp tục, trực tiếp nuôi cháu Q; đồng ý anh M cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị T không yêu cầu gì khác.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh M với chị T.

+ Về con chung: Giao cháu Hán Minh Q, sinh ngày 16/10/2012 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh M cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu Q tròn 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Căn cứ, giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Anh M và chị T có đơn xin vắng mặt. Do đó, xét xử vắng mặt anh Minh và chị Tú theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, xét thấy:

- Về hôn nhân: Năm 2010, anh M với chị T sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H, Thành phố H. Do bất đồng quan điểm sống, anh M và chị T ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Anh M yêu cầu ly hôn chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chị T đồng ý ly hôn anh M; nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh M.

- Về con chung: Anh M với chị T có 01 con chung tên là Hán Minh Q, sinh ngày 16/10/2012, đang sống chung với chị T. Do đó, anh M và chị T thống nhất giao cháu Q cho chị T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; nên ghi nhận. Anh M được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Xét anh M với chị T thống nhất anh M cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 2.000.000 đồng là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật; nên ghi nhận anh M cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng

2.000.000 đồng; thời gian cấp dưỡng từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Quân tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết; nên không xem xét.

[4] Về án phí: Anh M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ; nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
 - Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
 - Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Hán Văn M.

1. Về hôn nhân: Cho anh Hán Văn M ly hôn chị Huỳnh Thị Cẩm T.

2. Về con chung: Giao cháu Hán Minh Q, sinh ngày 16/10/2012 cho chị Huỳnh Thị Cẩm T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Hán Văn M được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hán Văn M cấp dưỡng nuôi cháu Hán Minh Q mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*); thời gian cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Q tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

+ Anh M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0027147 ngày 22/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, nên anh M đã nộp xong án phí.

+ Chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh M và chị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND Phường H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu